

Số: 34 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018

**TỜ TRÌNH
Về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM);

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của VEAM cho kỳ hoạt động từ ngày 24/1/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE),

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm:

- 1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- 2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017;
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017;
- 6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017.

Toàn bộ văn bản Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VP, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là Tổng Công ty), được lập ngày 26/3/2018, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản hỗ trợ vốn cho một số đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty chưa được Công ty mẹ - Tổng Công ty xác định và ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn nêu trên. Với những tài liệu hiện có tại Công ty mẹ - Tổng Công ty chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017 Công ty mẹ - Tổng Công ty vẫn đang ghi nhận khoản chênh lệch hàng hóa và tài sản cố định hữu hình giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán tại ngày 23/01/2017 với giá trị 2.645.633.528 đồng trên khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý". Công ty mẹ - Tổng Công ty vẫn chưa xác định nguyên nhân để xử lý/thu hồi "Tài sản thiếu chờ xử lý" này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán đang được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 50.125.792.229 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng phải thu khó đòi nêu trên hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	24/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.164.590.944.925	6.570.150.381.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.090.605.939.937	3.544.525.693.482
1. Tiền	111		460.075.820.056	349.626.467.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.630.530.119.881	3.194.899.226.350
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.800.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	1.800.000.000.000	55.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.269.651.460.441	1.343.477.429.559
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.398.723.723.145	776.620.001.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	605.642.892.494	104.949.280.939
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	579.022.029.252	459.262.513.388
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(316.382.817.978)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	2.645.633.528	2.645.633.528
IV. Hàng tồn kho	140		2.799.403.079.737	1.537.845.678.183
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.839.354.910.770	1.537.845.678.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.951.831.033)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		204.930.464.810	89.301.580.382
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	3.258.983.020	4.954.058.064
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		182.229.344.265	83.746.734.896
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.16	19.442.137.525	600.787.422
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.043.046.566.982	12.300.081.547.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		616.702.847.292	635.351.565.914
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	7.135.000.000	11.829.500.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	609.567.847.292	623.522.065.914
II. Tài sản cố định	220		828.334.155.546	904.924.470.180
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	808.863.465.502	886.317.166.942
- Nguyên giá	222		1.287.435.688.051	1.282.502.382.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(478.572.222.549)	(396.185.215.221)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	19.470.690.044	18.607.303.238
- Nguyên giá	228		19.850.307.767	18.771.307.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379.617.723)	(164.004.529)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	41.368.437.109	43.588.133.849
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.082.291.645)	(13.862.594.905)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		113.056.789.963	68.000.609.903
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	113.056.789.963	68.000.609.903
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	6.362.192.794.987	10.555.654.909.746
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.199.462.990.357	2.214.126.021.777
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.190.779.414.294	8.314.358.064.353
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.170.823.616	27.170.823.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(55.220.433.280)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		81.391.542.085	92.561.857.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	81.391.542.085	92.561.857.765
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.207.637.511.907	18.870.231.928.963

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	24/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.397.562.511.267	5.582.073.928.963
I. Nợ ngắn hạn	310		3.363.165.117.742	5.544.951.185.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.711.582.641.879	46.105.869.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.262.663.259	3.842.370.259
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	29.965.163.335	3.847.321.048.351
4. Phải trả người lao động	314		19.816.796.269	16.028.109.682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	64.563.349.253	59.307.394.460
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	-	5.797.257
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.522.778.796.701	1.538.024.443.780
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11.195.707.046	34.316.151.995
II. Nợ dài hạn	330		34.397.393.525	37.122.743.640
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	34.397.393.525	37.122.743.640
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.810.075.000.640	13.288.158.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	13.810.075.000.640	13.288.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		522.075.000.640	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		522.075.000.640	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	158.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		-	158.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.207.637.511.907	18.870.231.928.963

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Trần Anh Sơn

Trần Ngọc Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.554.889.955.328	2.408.150.697.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.308.897.100	9.026.572.727
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		2.542.581.058.228	2.399.124.125.088
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.271.110.767.033	2.064.374.867.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		271.470.291.195	334.749.257.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	994.512.655.321	8.275.361.456.203
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	55.384.195.601	274.664.523.591
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	214.026.676.641	242.973.620.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	470.616.646.496	142.539.415.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		525.955.427.778	7.949.933.154.002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.174.473.318	3.232.160.348
12. Chi phí khác	32	VI.7	9.054.900.456	5.025.968.560
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.880.427.138)	(1.793.808.212)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		522.075.000.640	7.948.139.345.790
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52 - 53)	60		522.075.000.640	7.948.139.345.790

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

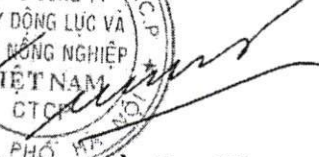
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Hồng

Kế toán trưởng


Trần Anh Sơn

Tổng Giám đốc


Trần Ngọc Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 23/01/2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		522.075.000.640	7.948.139.345.790
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		84.844.927.324	72.218.185.875
-	Các khoản dự phòng	03		411.555.082.291	(33.357.628.335)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(66.731.490)	(338.431.632)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(993.636.019.602)	(7.911.791.932.476)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.772.259.163	74.869.539.222
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.229.299.396.098)	(622.152.052.692)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.301.509.232.587)	(323.171.792.134)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.566.225.799.862	514.680.196.485
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.865.390.724	(13.403.750.932)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.867.627.408)	(10.578.415.968)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		482.989.100	850.909.876
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.668.845.743)	(190.575.539.784)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(965.998.662.987)	(569.480.905.927)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(51.068.485.948)	(198.235.609.258)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	973.700.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000.000)	(55.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.350.618.622	75.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.915.563.580)	(104.977.674.560)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.972.451.899.010	5.468.555.542.526
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.175.818.468.104	5.186.315.958.708

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
				Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 23/01/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(381.233.032)
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.663.813.002.921)	(2.095.410.433.329)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.663.813.002.921)	(2.095.791.666.361)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.453.993.197.804)	2.521.043.386.420
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.544.525.693.482	1.023.561.392.642
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		73.444.259	(79.085.580)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	2.090.605.939.937	3.544.525.693.482

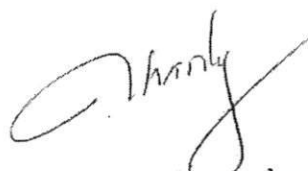
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Hồng


Trần Anh Sơn




Trần Ngọc Hà



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÀNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 262 /BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là Tổng Công ty), được lập ngày 26/03/2018, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh tại mục IV.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, năm tài chính của các công ty liên kết là Công ty Honda Việt Nam và Công ty Ô tô Toyota Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/3 năm sau. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty bao gồm lợi nhuận của hai Công ty nêu trên cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/3/2017 (đã được kiểm toán) và lợi nhuận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2017 đến ngày 31/12/2017 trên cơ sở các Báo cáo tài chính do các Công ty này cung cấp (các Báo cáo tài chính này chưa được kiểm toán). Đồng thời, Tổng Công ty sử dụng Báo cáo tài chính của các công ty con (mà Tổng Công ty không nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

Vấn đề khác

Khoản công nợ phải thu khó đòi của Agriculture Supply Co., Ltd với giá trị 70.006.844.759 đồng đã được Tổng Công ty tiếp nhận từ Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Tổng Công ty vẫn chưa bán được khoản nợ nêu trên cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam và đã thực hiện ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 23/01/2017.

Đến thời điểm kiểm toán, Tổng Công ty vẫn chưa có Quyết toán cổ phần hóa được duyệt của cơ quan có thẩm quyền và chưa thực hiện bàn giao Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH sang Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản chênh lệch thiếu hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán với số tiền 5.096.799.231 đồng trên khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" mà chưa xác định nguyên nhân chênh lệch để xử lý/thu hồi "Tài sản thiếu chờ xử lý" này.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	24/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.987.001.974.429	8.273.707.222.673
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.488.042.051.083	3.798.608.412.136
1 Tiền	111		622.911.931.202	486.472.374.535
2 Các khoản tương đương tiền	112		1.865.130.119.881	3.312.136.037.601
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	2.152.016.904.273	304.074.463.196
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.152.016.904.273	304.074.463.196
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.610.008.311.342	1.688.275.327.107
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.141.679.408.160	1.585.780.242.581
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	652.314.809.816	198.710.622.326
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	236.130.718.968	162.662.297.988
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(425.213.424.833)	(263.585.636.396)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	5.096.799.231	4.707.800.608
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	3.503.001.559.607	2.371.797.758.982
1 Hàng tồn kho	141		3.561.258.937.141	2.379.015.170.406
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.257.377.534)	(7.217.411.424)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		233.933.148.124	110.951.261.252
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	9.046.595.038	17.191.529.364
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		204.575.964.182	91.737.590.509
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	20.310.588.904	2.022.141.379
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.373.899.324.768	12.102.296.517.215
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		116.518.058.829	116.040.554.794
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	2.782.276.434	273.564.774
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	113.295.782.395	115.766.990.020
II. Tài sản cố định	220		2.333.040.061.468	2.390.117.728.217
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.286.819.218.727	2.337.735.169.834
- Nguyên giá	222		4.419.603.312.782	4.178.332.129.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.132.784.094.055)	(1.840.596.959.646)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	46.220.842.741	52.382.558.383
- Nguyên giá	228		78.236.680.331	79.716.702.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.015.837.590)	(27.334.143.948)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	41.368.437.109	43.588.133.849
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.082.291.645)	(13.862.594.905)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	301.159.855.576	215.616.335.165
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		301.159.855.576	215.616.335.165
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	9.265.112.433.496	9.043.939.115.286
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.243.911.550.366	9.000.423.191.346
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		21.200.883.130	43.515.923.940
VI. Tài sản dài hạn khác	260		316.700.478.290	292.994.649.904
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	316.526.251.349	292.804.972.464
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		174.226.941	189.677.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23.360.901.299.197	20.376.003.739.888

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	24/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.785.549.601.106	7.065.661.084.614
I. Nợ ngắn hạn	310		4.562.801.756.142	6.821.661.444.213
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.155.132.948.291	449.544.791.486
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	23.832.971.407	23.524.822.376
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	49.146.129.830	3.872.258.001.990
4 Phải trả người lao động	314		166.763.065.620	128.384.266.621
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	70.054.625.219	81.261.707.976
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	81.000.000	337.224.530
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.726.894.460.995	1.751.430.273.099
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	285.360.972.657	428.331.591.979
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	10.409.877.875	7.014.160.444
10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		75.125.704.248	79.574.603.712
II. Nợ dài hạn	330		222.747.844.964	243.999.640.401
1 Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	519.599.968	533.111.080
2 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
3 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	10.049.148.328	2.112.311.824
4 Phải trả dài hạn khác	337	V.19	35.081.062.240	41.266.574.230
5 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	175.179.428.259	198.087.643.267
6 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.918.606.169	2.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.575.351.698.091	13.310.342.655.274
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	18.553.773.885.717	13.276.389.086.807
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		190.786.505.622	186.177.542.163
3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(385.649.418.559)	(413.228.013.559)
4 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.996.802.792	10.003.241.502
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		65.358.701.422	65.394.777.856
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.992.895.378.994	(249.636.417.889)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(146.536.672.000)	3.172.861.419
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.139.432.050.994	(252.809.279.308)
7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		226.514.640.500	226.594.278.890
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		168.871.274.946	163.083.677.844
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.577.812.374	33.953.568.467
1 Nguồn kinh phí	432		(5.243.123.125)	562.453.307
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		26.820.935.499	33.391.115.160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.360.901.299.197	20.376.003.739.888

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập

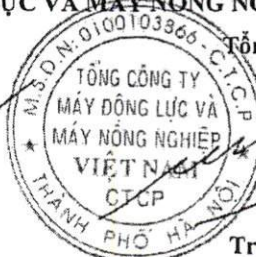
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Trần Anh Sơn

Trần Ngọc Hà



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 23/01/2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.585.534.794.692	6.324.910.532.934
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.335.551.872	18.011.242.837
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.563.199.242.820	6.306.899.290.097
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.943.133.524.946	5.669.185.375.843
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		620.065.717.874	637.713.914.254
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	254.109.625.402	435.318.934.140
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	41.563.626.171	317.633.712.841
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.594.419.945	25.692.906.841
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.169.933.087.250	4.575.889.531.289
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8	282.355.631.961	314.996.441.341
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	595.417.299.815	529.933.276.450
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		5.124.771.872.579	4.486.358.949.051
12 Thu nhập khác	31	VI.6	19.557.138.514	47.297.144.673
13 Chi phí khác	32	VI.7	22.492.877.612	21.396.660.433
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.935.739.098)	25.900.484.240
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		5.121.836.133.481	4.512.259.433.291
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		35.856.952.073	27.179.867.620
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	15.450.499	(6.987.543.065)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (60=50-51-52)	60		5.085.963.730.909	4.492.067.108.736
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.046.110.643.491	4.504.485.416.626
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		39.853.087.418	(12.418.307.890)
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.797,49	

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Trần Anh Sơn

Trần Ngọc Hà



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2016
đến 23/01/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 23/01/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.121.836.133.481	4.512.259.433.291
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		304.226.253.135	242.003.130.315
- Các khoản dự phòng	03		217.042.026.429	89.677.069.867
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(76.751.440)	(290.525.802)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.394.376.886.585)	(162.598.846.071)
- Chi phí lãi vay	06		35.594.419.945	25.692.906.841
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		284.245.194.964	4.706.743.168.441
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.246.225.531.385)	203.278.811.994
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.182.233.766.735)	(342.829.992.886)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.733.987.428.452	675.900.600.171
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.576.344.559)	31.067.701.247
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.131.119.394)	(26.749.019.097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(50.084.688.481)	(33.377.235.614)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20.572.146.148	12.222.110.108
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(49.912.706.348)	(243.656.743.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(541.359.387.338)	4.982.599.401.229
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(461.984.120.479)	(453.073.429.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		137.526.769.002	4.502.302.411
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.237.800.000.000)	(610.681.343.048)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		427.523.218.355	482.851.604.780
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.915.563.580)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		998.406.544	114.460.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.271.217.585.439	144.911.775.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.124.566.295.281	(317.029.089.355)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 24/01/2017 đến ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 23/01/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	37.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(381.233.032)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.472.799.935.737	1.621.936.500.957
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.650.903.401.979)	(1.703.310.531.515)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.715.751.846.521)	(2.115.025.709.380)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(3.893.855.312.763)</i>	<i>(2.196.743.572.970)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>(1.310.648.404.820)</i>	<i>2.468.826.738.904</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (*)</i>	<i>60</i>		<i>3.798.608.412.136</i>	<i>1.329.862.327.913</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>82.043.767</i>	<i>(80.654.681)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)-</i>	<i>70</i>	<i>V.01</i>	<i>2.488.042.051.083</i>	<i>3.798.608.412.136</i>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Trần Anh Sơn

Trần Ngọc Hà

